

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2021

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Sơ

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc " *Tranh chấp ly hôn ,nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐ-ST ngày 11/01/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu G, sinh ngày 27/11/1991.

HKTT : Thôn M, xã T, huyện B tỉnh Hải Dương.

Hiện ở : Tổ 5, khu 4A, phường C, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt)

2. Bị đơn : Anh Nhữ Đình H, sinh ngày 20/01/1991.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : ông Nhữ Đình T và bà Lê Thị L.

Địa chỉ : Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Phan Thị Thu G trình bày:

Chị và anh H được gia đình giới thiệu, mai mối, cả hai tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 7 năm 2013. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế. Tháng 3/2015 anh H đi Nhật Bản lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, anh H có về thăm gia đình 1 lần. Đến năm 2017 khi hết hợp đồng lao động, anh H đã trốn ra ngoài, hiện anh chị không còn liên lạc với nhau, thông qua gia đình chị được biết anh H không có ý định về Việt Nam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Nhữ Kim N, sinh ngày 14/6/2015 và Nhữ Minh Tr, sinh ngày 12/01/2014. Hiện nay cháu Kim N đang ở với ông bà nội, còn cháu Tr đang ở với chị. Ly hôn chị và anh H thỏa thuận mỗi người nuôi một con, chị nuôi cháu Tr, còn anh H nuôi cháu N. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, chị đồng ý để cho ông bà nội là ông Nhữ Đình T và bà Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung : Vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị G không cung cấp được địa chỉ của anh Nhữ Đình H tại Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Nhữ Đình T và bà Lê Thị L là bố mẹ đẻ anh H, đồng thời yêu cầu ông T, bà L cung cấp địa chỉ của anh H ở nước ngoài. Ông T, bà L xác định anh H hiện đang lao động tại Nhật Bản, ông bà không biết địa chỉ của anh H ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh H thường xuyên liên lạc về cho ông bà, ông T bà L đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông bà đã thông tin cho anh H biết. Anh H có quan điểm đồng ý ly hôn, đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung hai bên thỏa thuận anh H nuôi cháu Kim N còn chị G nuôi cháu Tr. Thời gian không ở Việt Nam anh H ủy quyền cho ông T, bà L chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kim N, ông T bà L đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị G và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị G được ly hôn anh H; về con chung: giao cháu Nhữ Kim N, sinh ngày 14/6/2015 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nhữ Minh Tr, sinh ngày 12/01/2014 cho chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu N cho ông T, bà L chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án anh H có quan điểm ủy quyền cho ông T, bà L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kim N trong thời gian anh không ở Việt Nam. Nên xác định ông T, bà L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Chị G, ông T, bà L có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Thu G và anh Nhữ Đình H tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 15 tháng 7 năm 2013, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, tháng 3/2015 anh H đi Nhật Bản lao động, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau vào thời gian đầu sau đó không còn liên lạc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Thông qua gia đình, anh H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn, do vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

- *Về con chung:* Chị Phan Thị Thu G và anh Nhữ Đình H có hai con chung là Nhữ Kim N, sinh ngày 14/6/2015 và Nhữ Minh Tr, sinh ngày 12/01/2014. Ly hôn chị G, anh H thỏa thuận chị G nuôi cháu Tr, anh H nuôi cháu Kim N. Xét thực tế, cháu Tr hiện sống cùng mẹ ở Quảng Ninh, cháu Kim N sống với ông bà nội tại Bình Giang. Hai cháu đều được học tập và phát triển tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống và môi trường học tập của các

cháu, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh H và chị G. Giao cháu Tr cho chị G nuôi dưỡng. Giao cháu N cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Kim N cho ông Nhữ Đình T, bà Lê Thị L là ông bà nội của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Phan Thị Thu G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Thu G được ly hôn anh Nhữ Đình H.

2. Về con chung: Giao cháu Nhữ Minh Tr, sinh ngày 12/01/2014 cho chị G Chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nhữ Kim N, sinh ngày 14/6/2015 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Kim N cho ông Nhữ Đình T và bà Lê Thị L chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị G đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0004783 ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị G đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Thu G, ông Nhữ Đình T, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Nhữ Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Cục thi hành dân sự.*
- *UBND xã M*
- *UBND Phường C, Tp. Cẩm Phả.*
- *Lưu.*

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền